

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

TRẦN THỊ MINH NGỌC

**KHÁNG NGHỊ PHỨC THẨM CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ
CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH,
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2011

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

TRẦN THỊ MINH NGỌC

**KHÁNG NGHỊ PHỨC THẨM CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ
CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH,
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

*Chuyên ngành: Luật hình sự
Mã số: 60 38 40*

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. GVC Trịnh Quốc Toàn

Hà Nội - 2011

MỞ ĐẦU

I. Tính cấp thiết của đề tài

Viện kiểm sát nhân dân được Đảng và Nhà nước giao giữ một vị trí quan trọng trong hoạt động tư pháp. Từ khi được thành lập cho đến nay, ngành Kiểm sát nhân dân ngày càng lớn mạnh và có những tiến bộ rõ rệt trong hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được khởi tố, điều tra, xử lý kịp thời; việc truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và làm oan người vô tội. Trong rất nhiều hoạt động của ngành kiểm sát, kháng nghị là một hoạt động quan trọng nhằm thực hiện chức năng của ngành. Quyền năng riêng biệt đó được quy định tại Điều 19 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002; Điều 232 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Trong những năm qua, thực tiễn hoạt động kháng nghị phúc thẩm của ngành Kiểm sát tỉnh Hà Tĩnh đã có những chuyển biến nhất định. Chất lượng kháng nghị đã từng bước được nâng lên. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp ở tỉnh Hà Tĩnh còn có những bất cập, hạn chế, chưa phát huy hết chức năng, vai trò của mình, nhiều vụ án Viện kiểm sát cấp trên phải rút kháng nghị, tỷ lệ kháng nghị được Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận còn thấp, số lượng kháng nghị phúc thẩm có chiều hướng giảm trong khi số án sơ thẩm phải cải sửa, huỷ án thông qua kháng cáo chiếm tỷ lệ không nhỏ, một số đơn vị Viện kiểm sát nhiều năm liền không có kháng nghị phúc thẩm hình sự, v.v..

Những tồn tại, thiếu sót nêu trên có nhiều nguyên nhân, từ nguyên nhân chủ quan đến nguyên nhân khách quan. Một mặt năng lực và trách nhiệm của cán bộ, Kiểm sát viên còn hạn chế, lãnh đạo một số đơn vị chưa thật sự quan tâm tới công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự, mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát các cấp về công tác kháng nghị phúc thẩm chưa cao. Mặt khác BLTTHS hiện hành chưa có quy định cụ thể về căn cứ kháng nghị phúc thẩm, thời hạn kháng nghị trên một cấp còn ngắn, việc sao gửi bản án sơ thẩm của Toà án cấp sơ thẩm cho Viện kiểm sát cấp trên chưa được quy định, trang thiết bị hỗ trợ cho công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử chưa đáp ứng yêu cầu, v.v.. Những nguyên nhân trên làm cho chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm bị ảnh hưởng

không nhỏ. Trong khi đó, chưa có một công trình nào nghiên cứu về vấn đề này thông qua thực tiễn công tác kháng nghị phúc thẩm ở Viện kiểm sát tỉnh Hà Tĩnh.

Từ những lý do nêu trên tác giả chọn đề tài “*Kháng nghị phúc thẩm các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” làm luận văn thạc sĩ luật học. Thông qua việc nghiên cứu cơ sở lý luận về kháng nghị phúc thẩm hình sự và thực tiễn của công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự ở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, tìm ra nguyên nhân của hạn chế và tồn tại, đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng kháng nghị phúc thẩm hình trong thời gian tới.

2. Tình hình nghiên cứu đến đề tài

Chế định kháng nghị phúc thẩm hình sự đã được một số tác giả, công trình nghiên cứu dưới nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên các nghiên cứu, bài viết và chuyên đề đều đề cập đến những khía cạnh nhất định hoặc những vấn đề chung nhất. Mỗi bài viết, công trình nghiên cứu chỉ tập trung giải quyết một hoặc vài nội dung cụ thể liên quan đến chế định kháng nghị phúc thẩm hình sự, chưa có bài viết hay công trình nào nghiên cứu một cách cụ thể, chi tiết dưới góc độ lý luận, thực trạng công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Hà Tĩnh, lý giải các yếu tố ảnh hưởng, đưa ra giải pháp, kiến nghị nhằm khắc phục và nâng cao hơn nữa chất lượng kháng nghị phúc thẩm hình sự ở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm của Viện kiểm sát;

- Phân tích, đánh giá toàn diện về thực tiễn pháp luật và thực tiễn thực hiện công tác kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Tĩnh từ khi có BLTTHS năm 2003, rút ra những hạn chế, tồn tại và những nguyên nhân của nó;

- Đề xuất những kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả, chất lượng của công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của ngành Kiểm sát nói chung và Viện kiểm sát tỉnh Hà Tĩnh nói riêng trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, làm rõ cơ sở lý luận của kháng nghị phúc thẩm hình sự: khái niệm, đặc điểm, vai trò, trình tự, thủ tục kháng nghị phúc thẩm hình sự.

Hai là, phân tích sâu sắc các quy định của BLTTHS năm 2003 về kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm của Viện kiểm sát.

Ba là, đánh giá toàn diện thực trạng công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự ở Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian từ năm 2003 đến 2010, từ đó rút ra những mặt tích cực và hạn chế về công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự cũng như việc áp dụng quy định này trên thực tế xét xử ở Hà Tĩnh hiện nay.

Bốn là, đề xuất các giải pháp, kiến nghị khả thi nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của VKSND trong thời gian tới.

4. Đối tượng, phạm vi và thời gian nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: là quyền kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát các cấp.

Phạm vi và thời gian nghiên cứu: là một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn trong công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát hai cấp ở tỉnh Hà Tĩnh trong khoảng thời gian từ 2003 đến 2010.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu dựa trên nền tảng cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật, đường lối, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Bên cạnh đó, Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể, như phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống, lịch sử, thống kê, so sánh, v.v..

6. Những đóng góp mới

Luận văn hệ thống, làm rõ cơ sở lý luận về kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân; nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng công tác kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát hai cấp tỉnh Hà Tĩnh, những mặt được và chưa được, tìm ra nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đã nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp, kiến nghị cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nói chung và Viện kiểm sát hai cấp ở Hà Tĩnh nói riêng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Chương 2: Thực trạng công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Chương 3: Những giải pháp và kiến nghị nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

VKSND là một trong những cơ quan tư pháp tiến hành các hoạt động tố tụng xuyên suốt ngay từ khi khởi tố vụ án đến khi bản án, quyết định được thi hành. Chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát chính là việc Viện kiểm sát sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Ngoài ra, VKSND còn

thực hiện chức năng giám sát hoạt động xét xử của Tòa án. Nếu việc xét xử của Tòa án vi phạm nghiêm trọng các quy định luật hình sự hoặc tố tụng hình sự, hoặc sau phiên tòa xét xử sơ thẩm mà phát hiện thấy quá trình tố tụng từ khi khởi tố vụ án hình sự đến truy tố, xét xử có vi phạm pháp luật về hình sự và tố tụng hình sự thì Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp sử dụng quyền kháng nghị phúc thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên tiến hành xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm nhằm sửa chữa khắc phục các sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm khi ra các bản án hoặc quyết định đó.

Như vậy kháng nghị phúc thẩm là một trong những quyền năng pháp lý quan trọng, thông qua đó Viện kiểm sát đồng thời thực hiện hai chức năng là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Từ những phân tích trên đây có thể rút ra một số đặc điểm của kháng nghị phúc thẩm hình sự của VKSND, đó là:

- Kháng nghị phúc thẩm hình sự là quyền năng pháp lý đặc biệt mà Nhà nước chỉ giao cho ngành kiểm sát.

- Kháng nghị phúc thẩm hình sự là công cụ đặc biệt và là một trong những biểu hiện rõ nhất về quyền năng của Viện kiểm sát trong việc thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân.

**Hệ quả của của việc kháng nghị phúc thẩm hình sự.*

- Tòa án cấp trên trực tiếp phải mở phiên tòa xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Hậu quả pháp lý của việc kháng nghị phúc thẩm hình sự là những phần của bản án bị kháng nghị thì chưa được đưa ra thi hành (trừ một số trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật tố tụng hình sự).

- Thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm là không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm, hủy bản án để điều tra, xét xử lại hoặc hủy án và đình chỉ vụ án (Điều 248 BLTTHS).

Hiện nay, BLTTHS hiện hành cũng như các văn bản pháp lý chưa có một khái niệm thống nhất về kháng nghị phúc thẩm hình sự.

Trên cơ sở tiếp thu những quan điểm của các nhà khoa học luật tố tụng hình sự về khái niệm kháng nghị phúc thẩm vụ án hình sự và phân tích nội dung, đặc điểm, đặc trưng cũng như mục đích của kháng nghị phúc thẩm hình sự, tác giả đưa ra khái niệm khoa học về kháng nghị phúc thẩm vụ án hình sự như sau: *Kháng nghị phúc thẩm hình sự là quyền năng pháp lý đặc biệt mà Nhà nước chỉ giao cho Viện kiểm sát các cấp thực hiện thông qua một văn bản pháp lý nêu rõ lý do của việc kháng nghị và yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Thông qua việc kháng nghị phúc thẩm hình sự, Viện kiểm sát bảo vệ quan điểm truy tố, đồng thời nhằm khắc phục các vi phạm pháp luật nghiêm trọng đối với các bản án, quyết định sơ thẩm của Toà án chưa có hiệu lực pháp luật.*

1.1.2. Vai trò kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

- Việc thực hiện tốt công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn xét xử.

- Yêu cầu Toà án phải đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm, góp phần nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hình sự, đảm bảo cho việc Toà án ra một bản án dân chủ, khách quan, đúng pháp luật.

- Là công cụ hữu hiệu để đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động xét xử của Toà án.

1.2. Các quy định của Bộ luật hình sự năm 2003 về kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

1.2.1. Thẩm quyền và thời hạn kháng nghị phúc thẩm hình sự

** Thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm hình sự*

Điều 232 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị những bản án hoặc quyết định sơ thẩm*”. Theo Điều 36 BLTTHS năm 2003, người có thẩm quyền quyết định việc kháng nghị phúc thẩm là Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát các cấp.

Hiện nay còn tồn tại 2 quan điểm khác nhau về thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm hình sự. Quan điểm thứ nhất cho rằng: chỉ nên

quy định Viện trưởng VKSND có quyền kháng nghị phúc thẩm hình sự mà không giao cho Phó Viện trưởng nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát. Quan điểm thứ hai cho rằng cần phải giao thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm cho cả Kiểm sát viên, bởi họ là người trực tiếp nghiên cứu hồ sơ và phát hiện vi phạm. Thực tế cho thấy, cả hai quan điểm này chưa thực sự phù hợp, theo quan điểm của tác giả là nên giữ nguyên như hiện nay.

** Thời hạn kháng nghị phúc thẩm hình sự:*

BLTTHS năm 2003 quy định thời hạn kháng nghị phúc thẩm hình sự đối với bản án và quyết định sơ thẩm là khác nhau.

Về cách tính thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của thời hạn kháng nghị, BLTTHS năm 2003 chưa có quy định cụ thể, mà được quy định tại điểm a, tiểu mục 4.1, mục 4 Nghị quyết số 05 ngày 8-12-2005 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Tuy nhiên, cách tính thời điểm bắt đầu của thời hạn trong Nghị quyết chưa đề cập đến đối với trường hợp ngày tuyên án kết thúc vào ngày thứ sáu, thì ngày thứ bảy, chủ nhật tiếp theo có được tính là thời hạn để kháng nghị hay không.

Việc quy định về thời hạn kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát còn chưa phù hợp với thực tế. Điều 229 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày tuyên án, Toà án cấp sơ thẩm phải giao bản án cho bị cáo, Viện kiểm sát cùng cấp...*”, trong khi đó Điều 234 BLTTHS năm 2003 quy định thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là mười lăm ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là ba mươi ngày cũng kể từ ngày tuyên án dẫn đến tình trạng là khi Viện kiểm sát nhận được bản án thì đã hết thời hạn kháng nghị.

Điều 239 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Thời hạn kháng nghị đối với các quyết định của Toà án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là bảy ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là mười lăm ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định*” .

Về thời điểm bắt đầu của thời hạn kháng nghị đối với các quyết định của Toà án cũng được quy định bắt đầu kháng nghị kể từ ngày Toà án ra quyết định mà không phải là kể từ ngày Viện kiểm sát nhận được quyết định. Như vậy, trong trường hợp Toà án gửi các quyết định cho Viện kiểm sát mà thời hạn kháng nghị đã hết hoặc gửi sau

thời hạn kháng nghị mà quyết định đó có vi phạm thì Viện kiểm sát cấp dưới không thể thực hiện quyền kháng nghị.

Tương tự như thời điểm kết thúc thời hạn kháng nghị đối với bản án sơ thẩm, thời điểm kết thúc thời hạn kháng nghị đối với quyết định của Tòa án sơ thẩm hiện nay chưa được giải thích một cách đầy đủ và Điều 239 BLTTHS năm 2003 cũng chưa quy định cụ thể cách tính thời điểm bắt đầu cũng như kết thúc của thời hạn kháng nghị. Do vậy, cũng cần có hướng dẫn cụ thể, thống nhất để tránh những quan điểm khác nhau về vấn đề này.

1.2.2. Các căn cứ kháng nghị phúc thẩm hình sự

BLTTHS năm 2003 không quy định cụ thể về những căn cứ để kháng nghị phúc thẩm hình sự, mà chỉ được quy định tại Quy chế về thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự năm 1996, 2004, 2007 của VKSNDTC. Vì vậy, để tạo cơ sở pháp lý cho công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự, BLTTHS năm 2003 cần quy định cụ thể các căn cứ kháng nghị phúc thẩm hình sự như đối với thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

1.2.3. Hậu quả của việc kháng nghị phúc thẩm hình sự

Theo quy định của BLTTHS thì hậu quả của việc kháng nghị là những phần của bản án bị kháng nghị thì chưa được đưa ra thi hành; đối với bản án hoặc quyết định sơ thẩm bị kháng nghị toàn bộ thì toàn bộ bản án hoặc quyết định đó chưa có hiệu lực pháp luật và không được đưa ra thi hành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 255 BLTTHS năm 2003.

Hậu quả của việc kháng nghị được quy định tại khoản 2 Điều 248, 249, 250, 251, 252 BLTTHS năm 2003 là: Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm; Sửa bản án sơ thẩm; Huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại; Huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Ngoài ra, nếu có căn cứ, Tòa án cấp phúc thẩm có thể giảm hình phạt hoặc áp dụng điều khoản BLHS về tội nhẹ hơn, chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn; giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo cho cả những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị.

1.2.4. Thủ tục bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị phúc thẩm hình sự

Điều 238 BLTTHS năm 2003 quy định về trình tự, thủ tục thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị. Nếu việc bổ sung, thay đổi kháng nghị đối với một phần hoặc toàn bộ bản án được thực hiện trong thời hạn kháng nghị thì theo nguyên tắc có thể bổ sung, thay đổi kháng nghị theo cả hướng có lợi hoặc không có lợi cho bị cáo.

Trong trường hợp đã hết thời hạn kháng nghị, thì trước khi bắt đầu hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát có quyền bổ sung, thay đổi kháng nghị nhưng chỉ theo hướng không làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Qua nghiên cứu thực tiễn xét xử thì việc bổ sung, thay đổi kháng nghị khi bắt đầu hoặc tại phiên tòa phúc thẩm chỉ theo hướng không làm xấu đi tình trạng của bị cáo như quy định tại Điều 238 BLTTHS hiện nay còn nhiều bất cập.

** Đối với trường hợp rút kháng nghị:*

Khi Viện kiểm sát rút kháng nghị thì Tòa án căn cứ quyết định rút kháng nghị để đình chỉ việc xét xử phúc thẩm. Theo hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán tại Nghị quyết 05/2005/NQ-HĐTP ngày 8-12-2005 thì bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật từ khi thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, trong trường hợp Viện kiểm sát đã rút một phần hay toàn bộ kháng nghị trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nhưng thời hạn kháng nghị vẫn còn thì Viện kiểm sát vẫn có thể tiếp tục kháng nghị lại. Chính vì vậy cần quy định việc ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm khi đã hết thời hạn kháng nghị.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

2.1. Tình hình giải quyết các vụ án hình sự có kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Tĩnh

Qua số liệu thống kê của VKSND tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2003 đến năm 2010, cho thấy tổng số bị cáo bị kháng nghị phúc thẩm là 38 bị cáo/26 vụ trên tổng số vụ án thụ lý phúc thẩm là 824 vụ/1.101 bị cáo.

Tính trung bình mỗi năm tỷ lệ giữa bị cáo bị kháng nghị so với tổng số bị cáo thụ lý là 3,5%.

Đối với các vụ án đã đưa ra xét xử phúc thẩm thì tỷ lệ giữa số bị cáo bị kháng nghị và số bị cáo đã đưa ra xét xử phúc thẩm bằng 4,3%. Từ năm 2003 đến năm 2010 tổng số bị cáo đã xét xử phúc thẩm là 791 bị cáo/ 559 vụ, số bị cáo bị kháng nghị đưa ra xét xử phúc thẩm là 34 bị cáo/ 23 vụ án.

Về giải quyết kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có 10,5% số bị cáo Viện kiểm sát 2 cấp phải rút kháng nghị (4/38 bị cáo), có 13,2% số bị cáo Toà án bác kháng nghị của Viện kiểm sát (5/38 bị cáo), có 76,3% Toà án chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát. Có 31,15% số bị cáo phải cải sửa ở cấp phúc thẩm. Tỷ lệ giữa số bị cáo bị cải sửa qua kháng nghị phúc thẩm so sánh với số bị cáo bị cải sửa thông qua kháng cáo là 9,23% (29/314 bị cáo). Số bị cáo bị cải sửa thông qua kháng cáo từ năm 2003 đến 2010 là 314 bị cáo, nếu so sánh với số bị cáo đã đưa ra xét xử phúc thẩm thì tỷ lệ này là 39,7% (314/791 bị cáo). Trong khi đó, số bị cáo cải sửa thông qua kháng nghị là 29 bị cáo, so với số bị cáo đã đưa ra xét xử phúc thẩm là 3,7%. Như vậy, số bị cáo bị cải sửa vẫn chủ yếu thông qua kháng cáo (lớn hơn sáu phần mười) so với số bị cáo bị cải sửa thông qua kháng nghị.

Một số vụ án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, về áp dụng pháp luật, bỏ lọt tội phạm phải huỷ án để điều tra hoặc xét xử lại nhưng Viện kiểm sát cấp huyện, cấp tỉnh không kháng nghị phúc thẩm kịp thời mà phải kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm.

Tỷ lệ số bị cáo phải huỷ án để điều tra hoặc xét xử lại thông qua kháng nghị chiếm tỷ lệ thấp hơn (40%) so với số bị cáo phải huỷ án để điều tra, xét xử lại thông qua kháng cáo chiếm 60% (8 bị cáo/20 bị cáo), số bị cáo bị huỷ để điều tra, xét xử lại ở cấp giám đốc thẩm, tái thẩm chiếm tỷ lệ cao 45% so với số bị cáo huỷ ở cấp phúc thẩm (9/20 bị cáo).

Bảng 2.1: Thống kê số lượng án được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm và số lượng án kháng nghị phúc thẩm

Năm	Số án thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm		Số án kháng nghị phúc thẩm		Tỷ lệ vụ án kháng nghị (%)	Tỷ lệ bị cáo kháng nghị (%)
	Vụ án	Bị cáo	Vụ án	Bị cáo		
2003	102	122	1	2	0,98	1,63
2004	82	105	6	8	7,3	7,6
2005	83	102	2	2	2,4	2,0
2006	99	130	1	1	1,0	0,8
2007	97	130	4	10	4,1	7,7
2008	150	208	4	5	2,7	2,4
2009	116	156	2	2	1,7	1,28
2010	95	148	6	8	6,3	5,4
Tổng	824	1.101	26	38	3,2	3,5

(Nguồn- VKSND tỉnh Hà Tĩnh)

Bảng 2.2: Thống kê số lượng án đã giải quyết theo thủ tục phúc thẩm

Năm	Số bị cáo giải quyết theo thủ tục Phúc thẩm	Đình chỉ xét xử	Số bị cáo đưa ra xét xử	Trong đó		
				Y án	Sửa án	Hủy án để điều tra, xét xử lại
2003	122	39	83	63	16	4
2004	105	2	102	81	19	2
2005	102	17	86	37	48	1
2006	130	38	86	54	28	3
2007	130	41	89	48	34	7
2008	208	76	124	51	70	3
2009	156	71	98	50	48	
2010	148	26	123	46	80	
Tổng	1.101	310	791	430	343	20

(Nguồn- VKSND tỉnh Hà Tĩnh)

Bảng 2.3: Thống kê kháng nghị phúc thẩm 2 cấp và việc giải quyết của Toà án

Năm	Kháng nghị phúc thẩm		Trong đó (số vụ /số bị cáo)					
	Vụ án	Bị cáo	KN trên cấp của cấp tỉnh	KN cùng cấp của cấp tỉnh	KN cấp huyện	VKS rút kháng nghị	Toà án chấp nhận KN	Toà án bác KN
2003	1	2			1/2		1/2	
2004	6	8		4/6	2/2	2/2	4/6	
2005	2	2		1/1	1/1		1/1	1/1
2006	1	1		1/1				1/1
2007	4	10	2/8		2/2		4/10	
2008	4	5	1/1		3/4		3/4	1/1
2009	2	2	1/1		1/1		1/1	1/1
2010	6	8	2/3		4/5	1/2	4/5	1/1
Tổng	26	38	6/13	6/8	14/17	3/4	18/29	5/5

(Nguồn- VKSND tỉnh Hà Tĩnh)

Thực tế xét xử phúc thẩm trong những năm qua có 31,1% số bị cáo phải cải sửa ở cấp phúc thẩm (343/1101 bị cáo); có 1,8% số bị cáo phải huỷ án ở cấp phúc thẩm để điều tra, xét xử lại (20/1101 bị cáo); có 23,7% số bị cáo kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại so với số bị cáo Viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm (9/38 bị cáo); có 3 vụ/4 bị cáo Viện kiểm sát tối cao kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm huỷ bản án phúc thẩm để xét xử lại vì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và bỏ lọt tội phạm, tuyên bị cáo không phạm tội ở cấp phúc thẩm.

Ngoài ra, một số vụ án gây nhiều dư luận trong quần chúng nhân dân, như vụ án Nguyễn Tiến Sĩ phạm tội tham ô tài sản; vụ Bùi Huy Đáp và đồng bọn phạm tội tham ô tài sản có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng không được kháng nghị kịp thời.

2.2. Những kết quả đạt được trong công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của VKSND tỉnh Hà Tĩnh

Công tác kháng nghị phúc thẩm đã có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng kháng nghị đã được nâng lên, cụ thể:

- Về áp dụng mức hình phạt, từ năm 2003 đến năm 2010, thông qua kháng nghị đã tăng hình phạt đối với 17 bị cáo bằng 58,6% số bị cáo được chấp nhận kháng nghị; giảm hình phạt đối với 2 bị cáo bằng 6,9%; không cho bị cáo hưởng án treo đối với 5 bị cáo bằng 17,2%.

- Về định tội danh, kháng nghị phúc thẩm đã khắc phục được những vi phạm nghiêm trọng tố tụng hình sự của Toà án cấp sơ thẩm như bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo đã được điều tra trong quá trình giải quyết vụ án (vụ Trần Văn Luận cùng đồng bọn phạm tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc).

- Khắc phục những sai sót của án sơ thẩm về tổng hợp hình phạt, áp dụng pháp luật và xử lý vật chứng (vụ Lê Văn Thìn phạm tội cố ý làm hư hỏng tài sản và gây rối trật tự công cộng, vụ Võ Tường Phước phạm tội Trộm cắp tài sản).

Nguyên nhân của những ưu điểm:

Đã chú trọng tới việc xem xét về tính chất tội phạm, nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân người phạm tội để có mức hình phạt thoả đáng, đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa, cảm hoá người phạm tội.

Quan tâm coi trọng công tác kháng nghị phúc thẩm. Tăng cường phát hiện vi phạm nghiêm trọng về áp dụng pháp luật, về đường lối xét xử, thủ tục tố tụng để kháng nghị phúc thẩm.

Lãnh đạo Viện kiểm sát hai cấp đã chỉ đạo sâu sát, đảm bảo các kháng nghị chặt chẽ về thủ tục, nội dung có căn cứ và có tính thuyết phục.

Trình độ của Kiểm sát viên từng bước được nâng lên. Chú trọng việc rút kinh nghiệm đối với Viện kiểm sát cấp huyện về công tác kháng nghị phúc thẩm, tổ chức tốt các cuộc tập huấn...

2.3. Những tồn tại, hạn chế trong công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó

2.3.1. Những tồn tại, hạn chế trong công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của VKSND tỉnh Hà Tĩnh

** Số lượng án kháng nghị chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số án cấp phúc thẩm thụ lý, xét xử (trong khi đó lượng án cải sửa do kháng cáo chiếm tỷ lệ cao).*

Số bị cáo bị kháng nghị trong những năm gần đây thường chiếm trung bình khoảng 3,5% số bị cáo cấp phúc thẩm thụ lý.

Từ năm 2003 đến 2010 có 7 đơn vị Viện kiểm sát cấp huyện không ban hành kháng nghị phúc thẩm; từ năm 2003 đến năm 2006 Viện kiểm sát tỉnh không ban hành kháng nghị phúc thẩm trên cấp; trong các năm 2003, 2007 đến 2010 Viện kiểm sát tỉnh không ban hành kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án cùng cấp. Trong khi đó có bình quân 31,1% số bị cáo phải cải sửa ở cấp phúc thẩm.

Nhiều vụ án cấp phúc thẩm phải cải sửa tội danh, tăng hoặc giảm mức hình phạt khá lớn theo kháng cáo của bị cáo hoặc người bị hại. Số bị cáo bị cải, sửa qua kháng nghị phúc thẩm hằng năm chỉ chiếm khoảng 8,5%, còn lại là do kháng cáo.

Một số vụ án có sai sót hoặc bị huỷ án, cải sửa án nhưng không được xem xét để kháng nghị như (vụ Trần Ngọc Tuấn và đồng bọn phạm tội cướp tài sản; vụ Bùi Huy Đáp và đồng bọn phạm tội tham ô tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; vụ Trần Văn Hậu phạm tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ).

Một số vụ án Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, dư luận xã hội và yêu cầu nhiệm vụ chính trị địa phương nên đề nghị mức hình phạt không sát đúng, hoặc chưa thực hiện nghiêm quy chế nghiệp vụ cũng như công tác kiểm sát bản án do đó có nhiều bản án sai sót, xét xử không nghiêm minh, ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm (vụ Bùi Thanh Hiền phạm tội Cố ý gây thương tích; vụ Trần Hồng Sơn và Trương Văn Quân phạm tội Cố ý gây thương tích; vụ Hoàng Văn Nhân phạm tội Cố ý gây thương tích; vụ Lê Thị Phương và đồng bọn phạm tội Làm nhục người khác, v.v..)

Một số vụ án Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm hình sự chưa nắm vững các quy định của pháp luật dân sự, chưa chú trọng trọng trong việc đề xuất phân dân sự nên không phát hiện được những vi phạm của Toà án đề kháng nghị kịp thời (vụ Bạch Đình Ái và đồng bọn phạm tội Cố ý gây thương tích; vụ Võ Thanh Hà phạm tội Cố ý gây thương tích; vụ Hoàng Văn Nhân phạm tội Cố ý gây thương tích; vụ Trần Hồng Sơn và Trương Văn Quân phạm tội Cố ý gây thương tích; vụ Bùi Thanh Hiền phạm tội Cố ý gây thương tích).

Một số vụ án Kiểm sát viên thiếu trách nhiệm, hời hợt trong quá trình kiểm sát điều tra, xét xử vụ án, thực hiện không đúng quy chế kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử dẫn đến một số vụ án Toà án cấp phúc thẩm phải huỷ án để điều tra, xét xử lại mà không được kháng nghị (vụ Nguyễn Anh Tuấn phạm tội trộm cắp tài sản, vụ Phạm Quốc Danh và Trần Quốc Ái phạm tội trộm cắp tài sản).

** Số bị cáo cấp phúc thẩm rút kháng nghị và Toà án cấp phúc thẩm bác kháng nghị chiếm tỷ lệ cao.*

Trong tổng số 39 bị cáo bị Viện kiểm sát cấp huyện và VKSND tỉnh kháng nghị đã giải quyết, số bị cáo bị rút kháng nghị là 4 bị cáo, bác kháng nghị là 5 bị cáo, chiếm 23,7%; số bị cáo được chấp nhận kháng nghị là 29 bị cáo, chiếm 76,3%.

** Kháng nghị trên một cấp vẫn còn ít, sự phối kết hợp giữa hai cấp sơ thẩm, phúc thẩm trong công tác kháng nghị còn hạn chế.*

Từ năm 2003 đến 2010, Phòng 3 Viện kiểm sát tỉnh kháng nghị đối với 13 bị cáo, chiếm 34,2% tổng số bị cáo do hai cấp kháng nghị, chủ yếu thông qua kiểm tra bản án và phiếu kiểm sát bản án của Kiểm sát viên. Trong khi đó án sơ thẩm phải kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm là 8 bị cáo, báo cáo Viện kiểm sát tối cao kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm là 8 bị cáo, đặc biệt trong những năm qua không có trường hợp nào Viện kiểm sát cấp huyện báo cáo Viện kiểm sát tỉnh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

** Hình thức và nội dung kháng nghị còn một số tồn tại, thiếu sót*

Một số kháng nghị không đảm bảo đúng theo mẫu quy định của VKSND tối cao; ký hiệu văn bản không thống nhất; dùng từ thiếu chặt chẽ hoặc không đúng về mặt pháp lý; nội dung kháng nghị chưa đi sâu

phân tích đánh giá tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, mà đề cập một cách chung chung; đề nghị không cho bị cáo hưởng án treo không có căn cứ, tính thuyết phục không cao...

2.3.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của VKSND tỉnh Hà Tĩnh

** Nguyên nhân chủ quan:*

Thứ nhất, trình độ, năng lực của cán bộ, Kiểm sát viên còn nhiều bất cập. Về lực lượng cán bộ của ngành Kiểm sát Hà Tĩnh hiện nay còn thiếu và yếu, đội ngũ cán bộ chưa có nhiều kinh nghiệm.

Thứ hai, một số đơn vị lãnh đạo VKSND chưa thực sự chú trọng, quan tâm, thiếu cương quyết, buông lỏng quyền năng kháng nghị của ngành nên chất lượng kháng nghị ở một số đơn vị còn hạn chế. Việc kháng nghị trong một số trường hợp còn mang tính chủ quan, cảm tính, thể hiện sự bức xúc do có quan điểm khác nhau giữa Viện kiểm sát và Tòa án.

Thứ ba, do công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và mối quan hệ phối hợp cấp trên, cấp dưới. Việc tổ chức, đánh giá rút kinh nghiệm về công tác kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát tỉnh tuy có thực hiện nhưng không thường xuyên.

Về công tác kháng nghị phúc thẩm cấp trên trực tiếp còn làm được ít do chưa tập trung được lực lượng, nhiều đồng chí cán bộ trẻ mới vào ngành chưa có kinh nghiệm, việc theo dõi, thu thập, kiểm tra, nghiên cứu án văn sơ thẩm chưa được tập trung.

Thứ tư, xuất phát từ tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý đó là một phần do tâm lý “dĩ hoà vi quý”, “cả nể” và “ngại va chạm” và một phần bởi cơ chế “xin cho”, “quan hệ” nên không kháng nghị.

** Nguyên nhân khách quan:*

Thứ nhất, một số quy định của BLHS chưa được hướng dẫn kịp thời, khoảng cách giữa mức khởi điểm và mức cao nhất của khung hình phạt tương đối rộng dẫn đến nhận thức và vận dụng pháp luật hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thống nhất, chế định tại Điều 47 BLHS cho phép Tòa án có thể xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt lại càng làm cho khoảng cách này

tăng thêm. Một số khái niệm trong phần chung cũng như trong phần các tội phạm cũng chưa được hướng dẫn cụ thể dẫn đến cách vận dụng giữa các đơn vị, giữa Viện kiểm sát và Tòa án có sự khác nhau.

BLTTHS hiện nay chưa quy định căn cứ để kháng nghị phúc thẩm hình sự, mà chỉ có ngành Kiểm sát quy định trong Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự.

Thứ hai, việc gửi bản án sơ thẩm, báo cáo kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án cho Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp thực tế các đơn vị có thực hiện nhưng không đầy đủ, quá chậm, ảnh hưởng đến công tác kháng nghị phúc thẩm. Mặt khác, Điều 229 BLTTHS quy định thời gian để Tòa án cấp sơ thẩm giao bản án cho Viện kiểm sát cùng cấp quá dài (10 ngày kể từ ngày tuyên án), đồng thời không quy định Tòa án cấp sơ thẩm phải giao bản án cho Viện kiểm sát cấp trên.

Thứ ba, việc án phúc thẩm bị huỷ, bị cải sửa gắn liền với chỉ tiêu thi đua và xem xét tái bổ nhiệm trong ngành Tòa án cũng như ngành Kiểm sát là một trong những nguyên nhân để làm giảm chất lượng và số lượng của kháng nghị phúc thẩm hình sự.

Thứ tư, việc đầu tư vật chất, lẫn nguồn lực cán bộ còn hạn chế. Về nhân sự, hiện nay nhiều đơn vị còn thiếu biên chế; điều kiện làm việc trong ngành chưa cao; trang thiết bị phục vụ công tác còn nghèo nàn.

Chương 3

NHỮNG GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ KHÁNG NGHỊ PHÚC THẨM HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

3.1. Sự cần thiết tiếp tục hoàn thiện các quy định về kháng nghị phúc thẩm hình sự trong BLTTHS nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự của Viện kiểm sát nhân dân

Để đảm bảo cho việc thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm hình sự thì hệ thống các quy phạm về kháng nghị phúc thẩm và thủ tục xét xử phúc thẩm phải thật đồng bộ, hoàn chỉnh.

Tuy nhiên, chế định kháng nghị phúc thẩm hình sự vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Do vậy, cần phải tiếp tục hoàn thiện các quy định về kháng nghị phúc thẩm hình sự trong BLTTHS hiện nay.

Phải thường xuyên làm tốt công tác hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật trong tất cả mọi lĩnh vực liên quan đến việc giải quyết các vụ án hình sự để kịp thời loại bỏ những quy phạm pháp luật không còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung, thay thế những quy phạm pháp luật mới sát với thực tiễn và tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước.

3.2. Những giải pháp hoàn thiện quy định của BLTTHS về kháng nghị phúc thẩm

3.2.1. Quy định cụ thể các căn cứ kháng nghị phúc thẩm hình sự trong BLTTHS

BLTTHS cần bổ sung một điều luật quy định về những căn cứ để kháng nghị phúc thẩm, theo hướng xác định rõ bản án, quyết định sơ thẩm vi phạm như thế nào, mức độ vi phạm đến đâu thì bị Viện kiểm sát kháng nghị.

Trong thời gian chờ BLTTHS sửa đổi, có thể ban hành Thông tư liên ngành hướng dẫn về căn cứ này nhằm hạn chế tình trạng Toà án bác kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát.

3.2.2. Quy định cụ thể việc gửi bản sao bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm cho Viện kiểm sát cấp trên trong BLTTHS

Tại Điều 229 BLTTHS quy định thời gian giao bản án mười ngày là rất dài làm ảnh hưởng đến hoạt động kiểm sát bản án của Viện kiểm sát, cần phải được rút ngắn cho phù hợp.

Sửa đổi, bổ sung một số điều quy định của BLTTHS như quy định việc Tòa án cấp sơ thẩm gửi bản án, quyết định cho Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp của Viện kiểm sát cùng cấp với mình.

Thời hạn kháng nghị phải tính từ ngày Tòa án sơ thẩm gửi bản án, quyết định.

Về cách tính thời điểm bắt đầu và kết thúc đối với trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị bản án sơ thẩm của Toà án cùng cấp cần quy định rõ cách tính thời điểm bắt đầu cũng như kết thúc của thời hạn kháng nghị đối với bản án, quyết định sơ thẩm. Hoặc trong hướng dẫn

của Hội đồng thẩm phán TANDTC cần bổ sung cách tính thời điểm bắt đầu và kết thúc của thời hạn kháng nghị đối với quyết định sơ thẩm.

Trường hợp thời điểm bắt đầu và kết thúc của thời hạn kháng nghị là ngày thứ bảy, ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, thì thời hạn bắt đầu và kết thúc của thời hạn kháng nghị phải là ngày làm việc đầu tiên tiếp theo ngày nghỉ đó. Thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hạn phải vào lúc 24 giờ của ngày đó.

3.2.3. Quy định cụ thể về việc bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị trong BLTTHS

Điều 238 BLTTHS quy định khi bắt đầu hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát có quyền bổ sung, thay đổi kháng nghị nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo; rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị.

BLTTHS nên quy định rõ: Nếu việc bổ sung, thay đổi kháng nghị đối với một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm trong thời hạn kháng nghị thì Viện kiểm sát có quyền bổ sung, thay đổi theo bất kỳ hướng nào.

Việc rút kháng nghị của Viện kiểm sát phải trên cơ sở cân nhắc không chỉ quyền lợi của bị cáo mà còn đảm bảo quyền lợi của những người tham gia tố tụng khác, quyền và lợi ích của Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Quy định cụ thể việc ra quyết định đình chỉ xét xử của thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa trong trường hợp rút kháng cáo, kháng nghị trước khi mở phiên tòa. Nếu việc rút toàn bộ kháng nghị trước khi mở phiên tòa phúc thẩm thì thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm khi đã hết thời gian kháng nghị

3.3. Những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả kháng nghị phúc thẩm của VKSND tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới

3.3.1. Tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật

VKSND tối cao phải phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan ban hành những văn bản hướng dẫn các vấn đề liên quan đến pháp luật và giải quyết những vấn đề của pháp luật.

Thường xuyên tập hợp những khó khăn, vướng mắc để đề xuất liên ngành có văn bản hướng dẫn kịp thời.

3.3.2. Tăng cường và đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra của Lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp về công tác kháng nghị phúc thẩm ở Viện kiểm sát tỉnh Hà Tĩnh

Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra của Viện kiểm sát cấp trên đối với Viện kiểm sát cấp dưới.

Hằng năm Viện kiểm sát cấp tỉnh cần đưa ra các chỉ tiêu phấn đấu, phương hướng cụ thể về công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự.

Cần quan tâm đến công tác hướng dẫn, chỉ đạo, rút kinh nghiệm đối với các vụ án Viện kiểm sát hai cấp rút kháng nghị hoặc Toà phúc thẩm bác kháng nghị.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với Viện kiểm sát cấp huyện, có thể định kỳ tiến hành họp giao ban giữa Viện trưởng với lãnh đạo các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Viện kiểm sát hai cấp cần tăng cường vai trò lãnh đạo Viện trong công tác kháng nghị phúc thẩm, chú trọng công tác báo cáo án với lãnh đạo đơn vị trước, trong và sau mỗi phiên tòa, cần rút kinh nghiệm, kiến nghị đối với những vi phạm cụ thể hoặc những vi phạm mang tính điển hình, chỉ đạo sâu sát nội dung kháng nghị, không phó mặc hoặc thụ động trên cơ sở chỉ xem xét báo cáo của Kiểm sát viên.

3.3.3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với ngành kiểm sát

Cần khắc phục tình trạng cấp uỷ Đảng buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp quá sâu vào các hoạt động chuyên môn.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Viện kiểm sát hai cấp ở tỉnh Hà Tĩnh phải được thực hiện một cách toàn diện, chặt chẽ cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ.

3.3.4. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong việc giải quyết kháng nghị phúc thẩm hình sự

Phải có một cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong giải quyết kháng nghị phúc thẩm hình sự, đặc biệt là sự phối hợp giữa hai ngành Kiểm sát và Toà án.

Ban hành một quy chế phối hợp giữa hai ngành Toà án và Kiểm sát là yêu cầu cấp thiết.

Cần phối hợp tổ chức các cuộc hội nghị liên ngành để bàn biện pháp giải quyết các vụ án hình sự, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết án của mỗi ngành.

Đối với những vụ án phức tạp, Viện kiểm sát và Toà án cần tranh thủ ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo mỗi ngành, của cấp uỷ, chính quyền địa phương.

3.3.5. Tăng cường công tác tổ chức cán bộ, nâng cao ý thức chính trị, đạo đức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên

Sắp xếp lại tổ chức, cán bộ, bố trí những Kiểm sát viên có năng lực thực sự vào khâu công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xét xử hình sự.

Có biện pháp đào tạo và đào tạo lại cán bộ, nâng cao trình độ của các Kiểm sát viên.

Tăng cường cơ sở vật chất, đảm bảo chế độ cho cán bộ, Kiểm sát viên.

Rèn luyện phẩm chất đạo đức, chính trị, thực hiện nhiệm vụ theo quyền hạn, lương tâm và trách nhiệm.

Tiếp tục nghiên cứu đề xuất sửa đổi vấn đề thực hiện việc bổ nhiệm không thời hạn và tăng thẩm quyền cho Kiểm sát viên, phù hợp mô hình tổ chức VKSND 4 cấp sắp tới.

3.4. Một số kiến nghị cụ thể

Một là, trong khi chờ đợi BLHS, BLTTHS sửa đổi, bổ sung, đề nghị Hội đồng thẩm phán TAND tối cao cần ban hành các Nghị quyết hướng dẫn về những vấn đề còn nhiều vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật Hình sự, pháp luật Tố tụng Hình sự nói chung và trong

công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự nói riêng nhằm tạo sự nhận thức thống nhất giữa ngành Toà án và ngành Kiểm sát.

TAND tối cao và VKSND tối cao sớm ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự hoặc ban hành Thông tư liên ngành hướng dẫn Viện kiểm sát và Toà án cấp dưới thống nhất thực hiện các vấn đề còn vướng mắc trong công tác giải quyết kháng nghị phúc thẩm án hình sự.

VKSND tối cao cần lấy ý kiến của cán bộ, kiểm sát viên về những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành và công tác kháng nghị phúc thẩm án hình sự, từ đó tổng hợp đề xuất đến các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Hai là, VKSND tối cao cần tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ hình sự, trong đó tập trung đào tạo kỹ năng phát hiện vi phạm bản án và kỹ năng về kháng nghị phúc thẩm.

Đối với Viện kiểm sát tỉnh, cần có biện pháp để bổ sung biên chế kịp thời cho một số đơn vị Viện kiểm sát cấp huyện thiếu cán bộ và kiểm sát viên. Cần quan tâm đào tạo cán bộ trẻ mới vào ngành. Có kế hoạch sử dụng và đề bạt cán bộ, nhất là cán bộ trẻ có năng lực.

Ba là, tăng cường sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Viện kiểm sát các cấp về công tác kháng nghị phúc thẩm. Lãnh đạo Viện cần rút kinh nghiệm đối với những vi phạm cụ thể hoặc những vi phạm mang tính điển hình, chỉ đạo sâu sát nội dung kháng nghị, không phó mặc hoặc thụ động trên cơ sở chỉ xem xét báo cáo của Kiểm sát viên.

Bốn là, Viện kiểm sát hai cấp cần tập trung nghiên cứu, kháng nghị các bản án có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật. Khi ban hành kháng nghị phải đảm bảo chặt chẽ từ hình thức đến nội dung và đúng thủ tục, thời hạn pháp luật quy định.

Năm là, tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Viện kiểm sát và hoàn thiện chính sách, chế độ tiền lương đối với cán bộ, Kiểm sát viên.

KẾT LUẬN

Kháng nghị phúc thẩm hình sự là một quyền năng pháp lý quan trọng mà nhà nước chỉ giao cho VKSND và chỉ duy nhất Viện kiểm sát mới có quyền thực hiện quyền năng này, là công cụ hữu hiệu để Viện kiểm sát thực hiện và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của ngành nhằm đảm bảo cho pháp luật nói chung và pháp luật về hình sự nói riêng được tuân thủ nghiêm chỉnh và triệt để, đồng thời để bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa và là phương tiện để đấu tranh phòng và chống tội phạm. Kháng nghị phúc thẩm hình sự là một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để vụ án được xét xử ở cấp thứ hai, bảo đảm quyền và lợi ích của nhà nước, của các tổ chức xã hội và của công dân. Thông qua công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự, Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của mình, nhằm bảo đảm cho mọi hoạt động tư pháp được tiến hành đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, khắc phục tình trạng bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Tuy nhiên, qua thực tế xét xử, chế định về kháng nghị phúc thẩm (theo quy định tại BLTTHS năm 2003) vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định như căn cứ, thời hạn, việc bổ sung, thay đổi, rút kháng nghị phúc thẩm hình sự. Đây là những quy định cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế nhằm nâng cao chất lượng công tác xét xử trong thời gian tới.

Với yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp, công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn xét xử cũng như công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự còn không ít những thiếu sót, hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng này là do hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, hoàn thiện; cơ cấu tổ chức, năng lực trình độ của một bộ phận cán bộ còn bất cập chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra; công tác chỉ đạo, điều hành mặc dù đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên hiệu quả

chưa cao; mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa được chú trọng cũng là một trong những nguyên nhân tạo nên thực trạng này.

Thông qua nghiên cứu thực tiễn công tác kháng nghị phúc thẩm của VKSND tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2003 đến năm 2010, luận văn đã đánh giá đúng thực trạng hoạt động kháng nghị phúc thẩm hình sự của ngành Kiểm sát Hà Tĩnh với những mặt đã làm được cũng như những thiếu sót, tồn tại và nguyên nhân gây nên những tồn tại, thiếu sót đó. Trên cơ sở đó, đề tài đã đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng công tác kháng nghị phúc thẩm của ngành Kiểm sát nói chung, của VKSND tỉnh Hà Tĩnh nói riêng trong thời gian tới nhằm đáp ứng yêu cầu công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra.